

TÍCH TỤ ĐẤT ĐAI VÀ HIỆU QUẢ KINH TẾ THEO QUY MÔ ĐẤT ĐAI TRONG NÔNG THÔN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU Ở TỈNH AN GIANG

Lê Cảnh Dũng¹

ABSTRACT

Effectiveness of land use is a primary farmer's concern. Land accumulation in rural can be an alternative resolution to seek a higher competitive capacity of agricultural product in globalized economic context. To understand the land accumulation process in the rural area by economy of scale of land use and landless issue, a case study in An Giang province was carried out in 2008. The research analyzed information/data obtained from a key informant interview with local land managial unit, secondary data, structured questionnaire interview of 118 households in a selected village. Results showed that: land accumulation is a process occurring in rural such that average farmsize of land owner increased over the last five years; In parallel with land accumulation process, landless households have been emerged from those who owned small farmsize associated with less effective land use; 1.5 and 2.0ha are a minimum farm-size respectively for an agricultural or combined agricultural and non-agricultural household started to save money from earning; Ninety three percent of landless households recognized their livelihood were kept unchanged or better after sold land.

Keywords: *farmsize, minimum farmsize, land concentration, landless household*

Title: *Land accumulation and Economics to Scale of Land Use in Rural mekong Delta: Case Study in An Giang Province*

TÓM TẮT

Hiệu quả sử dụng đất đai luôn là quan tâm chính của người nông dân. Trong bối cảnh gia nhập kinh tế toàn cầu, quá trình tích tụ đất đai đang diễn ra ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có thể là một giải pháp gia tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa nông sản. Một nghiên cứu được thực hiện năm 2008 ở tỉnh An Giang nhằm tìm hiểu quá trình tích tụ đất đai gắn liền với hiệu quả sử dụng đất theo quy mô và vấn đề mất đất. Phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc người am hiểu ở cơ quan quản lý đất đai tại địa phương, phân tích số liệu thứ cấp và phỏng vấn 118 nông hộ đã được sử dụng. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng: Quá trình tích tụ đất đai trong nông thôn đang diễn ra và làm cho diện tích trung bình trên nông hộ có sở hữu đất đai tăng lên trong thời gian 5 năm vừa qua; Đồng hành với tiến trình tích tụ đất đai là quá trình mất đất đai của một bộ phận người dân sở hữu ít đất và kém hiệu quả; 1.5 và 2.0 ha lần lượt là quy mô đất đai cho 2 loại nông hộ có kết hợp các hoạt động phi nông nghiệp hoặc thuần nông có thể có tiền để dành sau khi trừ đi các chi phí sản xuất và cuộc sống; Có đến 93% số nông hộ không đất nhận thấy rằng cuộc sống của họ tốt hơn hoặc giữ mức không đổi sau khi bán đất.

Từ khóa: *quy mô đất đai nông hộ, quy mô đất đai nông hộ tối thiểu, tích tụ đất đai, hộ không đất*

¹ Viện NCPT ĐBSCL, Trường Đại học Cần Thơ

1 GIỚI THIỆU

Sở hữu và hiệu quả sử dụng đất đai luôn là mối quan tâm hàng đầu của người nông dân nói riêng và ngành nông nghiệp trong phát triển kinh tế nói chung. Ở Việt Nam, chính sách đất đai vì vậy đã được điều chỉnh cho phù hợp với tiến trình chuyển dịch trong hơn hai thập kỉ qua. Theo đó, nông hộ đã trở thành đơn vị độc lập trong vấn đề quyết định sử dụng đất đai (Boothroyd, 2000; Toan, 2003). Vấn đề đất đai manh mún cũng đang là một trở ngại chính trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa nông sản trong bối cảnh kinh tế toàn cầu hóa (Sally *et al.*, 2007). Chính sách vừa mới ban hành (01/7/2007) cho phép hạn điền 6 ha ở ĐBSCL (www.tuotire.com.vn, số 165/2007) là một biện pháp có thể thúc đẩy sản xuất và tăng khả năng cạnh tranh của nông sản hàng hóa.

Cũng như nhiều chính sách mới khác, việc người nông dân tiếp nhận về chính sách hạn điền, hiệu quả sử dụng đất theo quy mô đất đai và các ảnh hưởng của chính sách này đang là một vấn đề cần được nghiên cứu. Một số câu hỏi được đặt ra, đó là: (1) Có hay không việc tích tụ đất đai trong nông thôn? (2) Hiệu quả kinh tế sử dụng đất với các quy mô đất đai như thế nào? (3) Cuộc sống của người dân bán đất trong quá trình tích tụ đất đai như thế nào?

Trong khuôn khổ hợp tác nghiên cứu phát triển nông thôn RDViet, nghiên cứu này đã được thực hiện để trả lời các câu hỏi nói trên với phạm vi hạn hẹp ở tỉnh An Giang vào năm 2008. Nghiên cứu này mang tính chất gợi mở cho những nghiên cứu tiếp theo về lĩnh vực này một cách hoàn thiện với quy mô lớn hơn trong tương lai.

2 MỤC TIÊU

Trong nghiên cứu này ba mục tiêu cụ thể được đặt ra như sau:

- Phân tích chuyển dịch đất đai trong nông thôn ở một xã thuần nông trong 5 năm vừa qua (2003-2008) từ khi luật đất đai sửa đổi năm 2003.
- Phân tích hiệu quả kinh tế sử dụng đất của nông hộ và xác định quy mô đất đai cho một nông hộ có thể bắt đầu có tiền để dành từ các hoạt động kinh tế.
- Phân tích sinh kế của nông hộ đã bán đất trong quá trình tích tụ đất đai trong nông thôn.

3 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện từ phỏng vấn định tính các cơ quan liên quan về quản lý đất đai, đồng thời thu thập và phân tích việc chuyển dịch đất đai ở các mức độ tỉnh, huyện và xã ở vùng nghiên cứu. Bên cạnh đó, phân tích định lượng từ kết quả phỏng vấn bằng phiếu câu hỏi đối với 118 nông hộ được chọn lựa theo nhóm quy mô đất đai đã được thực hiện. Số nông hộ được phỏng vấn bao gồm 39 hộ có diện tích lớn hơn 3 ha, 37 hộ có diện tích trung bình từ 2 đến 3 ha, 22 hộ có đất ít hơn 1ha và 20 hộ không có đất sản xuất.

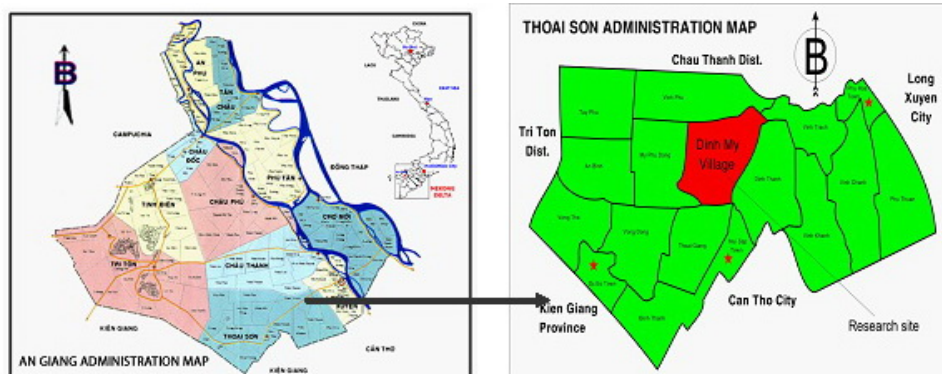
Thông tin và số liệu về chuyển dịch đất đai được thu thập và so sánh giữa 2 thời điểm 2003 và 2008. Đối với các thông tin về nhân khẩu và kinh tế nông hộ được thu thập và phân tích trên cơ sở niên vụ 2007-2008.

4 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

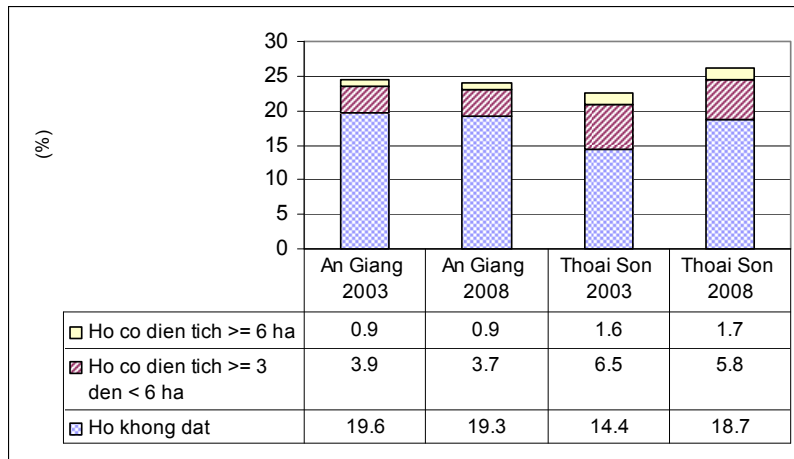
4.1 Khái quát tình hình sở hữu đất đai ở điểm nghiên cứu

Xã Định Mỹ, một xã thuần nông chủ yếu canh tác lúa, thuộc huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang được chọn làm điểm nghiên cứu vì tính đặc trưng trong sản xuất nông nghiệp đồng thời có việc tích tụ đất đai đang diễn ra (Hình 1). An Giang là tỉnh thuần nông, có diện tích 3.406 km² và dân số khoảng 2.23 triệu người. Dân số nông thôn chiếm 72% tổng dân số (2007). Nông nghiệp chiếm vị trí quan trọng trong kinh tế của tỉnh. Đây cũng là tỉnh dẫn đầu sản lượng lúa sản xuất hàng năm ở ĐBSCL với trên 3 triệu tấn/năm. Bình quân thu nhập trên đầu người ở nhóm cao với 742 USD so với các tỉnh khác ở ĐBSCL, trong khi đó kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh với 13.73%/năm (Thống kê tỉnh An Giang, 2007).

Thoại Sơn là một huyện lớn nhất trong 11 đơn vị hành chính, chiếm 13% diện tích tự nhiên trong khi dân số chỉ chiếm 9% so với toàn tỉnh. Đây là huyện có kinh tế thuần nông (chủ yếu canh tác lúa) và trong 5 năm qua việc chuyển dịch đất đai có khuynh hướng mạnh hơn so với toàn tỉnh. Tỷ lệ người không có đất canh tác ở Thoại Sơn đã gia tăng từ 14.5% trong năm 2004 đến 18.7% trong năm 2008, trong khi tỷ lệ này ở toàn tỉnh là 19.6% giảm xuống 19.3% trong cùng giai đoạn. Cũng 5 năm qua số hộ có diện tích trên 6 ha ở Thoại Sơn đã gia tăng từ 1.6% đến 1.7% trong khi số liệu này ở tỉnh An Giang giữa 2 thời điểm vẫn giữ ở mức 0.9%. Điều này chứng tỏ rằng quá trình tích tụ đất đai và mất đất ở vùng thuần lúa có khả năng xảy ra mạnh hơn so với các vùng khác trong tỉnh. Mặt khác số hộ có diện tích đất lớn hơn 5 ha ở Thoại Sơn rất có thể đã được tích lũy từ những hộ đã có diện tích đất lớn hơn 3 ha trước đây, điều này được thể hiện qua tỷ lệ số hộ có đất lớn hơn 3 ha ở Thoại Sơn đã giảm đáng kể từ 6.5% xuống còn 5.8% trong 5 năm vừa qua (Hình 2).



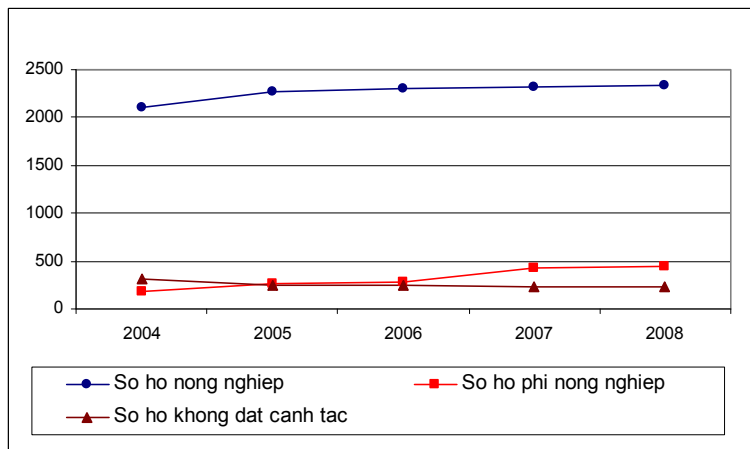
Hình 1: Vị trí điểm nghiên cứu ở vùng thuần nông – Định Mỹ, Thoại Sơn, An Giang



Hình 2: Biến động các nhóm hộ có quy mô đất đai khác nhau ở vùng nghiên cứu

(Nguồn: Sở NN&PTNT An Giang và Phòng Kinh Tế huyện Thoai Son)

Cùng với phát triển kinh tế, một vùng thuần nông như xã Định Mỹ cũng có những chuyển biến nhất định về ngành nghề của các nông hộ. Số liệu ở hình 3 dưới đây cho thấy rằng số hộ nông nghiệp đã tăng lên trong 5 năm vừa qua (2003-2008) vì chủ yếu do chia tách hộ số hộ của các gia đình trẻ. Số hộ không có đất theo quy luật lẽ ra đã tăng lên theo thời gian, nhưng thực tế ở xã Định Mỹ, số hộ này đã giảm xuống. Lý do được các nhà quản lý tại địa phương đưa ra đó chính là sự chuyển đổi ngành nghề từ các hộ không đất sang làm việc ở lĩnh vực phi nông nghiệp như buôn bán, làm thợ hoặc dịch vụ tại địa phương. Vì vậy, số hộ phi nông nghiệp đã tăng lên đáng kể, nhất là trong 2 năm gần đây (2007-2008).



Hình 3: Biến động các nhóm hộ phân theo lĩnh vực kinh tế ở xã Định Mỹ

(Nguồn: Báo cáo tổng kết hàng năm UBND Xã Định Mỹ)

Điều đáng quan tâm trong nông thôn hiện nay là số hộ có diện tích nhỏ đã không ngừng tăng lên. Số liệu thu thập ở xã Định Mỹ (Bảng 1) cho thấy rằng số hộ có diện tích ít hơn 1 ha đã tăng 117 hộ, từ 693 lên 810 hộ trong vòng 5 năm qua

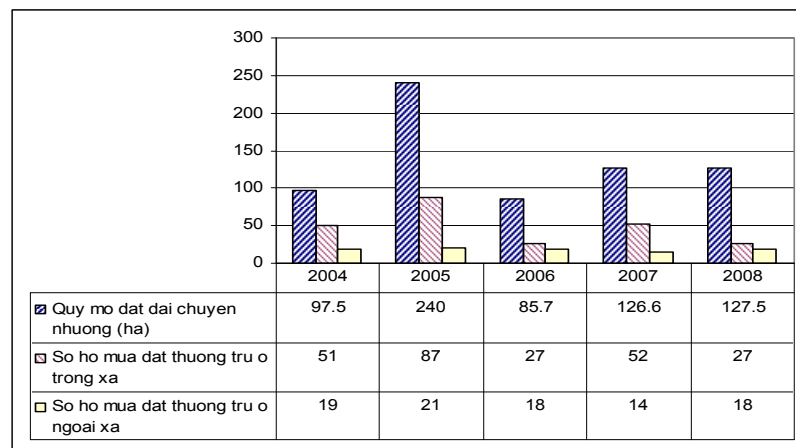
(2004-2008). Đồng thời số hộ có đất ít hơn 3 ha cũng có khuynh hướng tăng lên trong cùng thời gian. Bên cạnh đó số hộ có diện tích lớn hơn 3 ha và 6 ha cũng đã không ngừng tăng lên. Điều này chứng tỏ rằng quá trình tích tụ đất đai đang diễn ra trong nông thôn.

Bảng 1: Số lượng nông hộ phân theo quy mô đất đai ở xã Định Mỹ (2004-2008)

	2004	2005	2006	2007	2008
Số hộ có diện tích =< 1 ha	693	714	745	804	810
Số hộ có diện tích > 1 đến =< 3ha	1.029	1.103	1.124	1.115	1.035
Số hộ có diện tích > 3	443	457	428	394	495
Trong đó: > 3 - <= 6 ha	407	418	387	357	453
> 6ha	36	39	41	37	42

(Nguồn: Báo cáo tổng kết hàng năm UBND Xã Định Mỹ)

Sự biến động đất đai giữa các nhóm hộ diễn ra do quá trình chuyển nhượng đất đai. Số liệu thứ cấp do UBND xã quản lý (Hình 4) cho thấy rằng quy mô đất đai chuyển nhượng (mua và bán) hàng năm là rất lớn, biến động từ 85.7 ha đến 240 ha. Số hộ mua bán chuyển nhượng đất đai do xã quản lý theo đó cũng biến động từ 45 đến 108 trường hợp/năm bao gồm các trường hợp người có hộ khẩu ở xã và ngoài xã đến mua đất. Diện tích chuyển nhượng trung bình cho một trường hợp thay đổi từ 1.4 ha đến 2.8 ha.



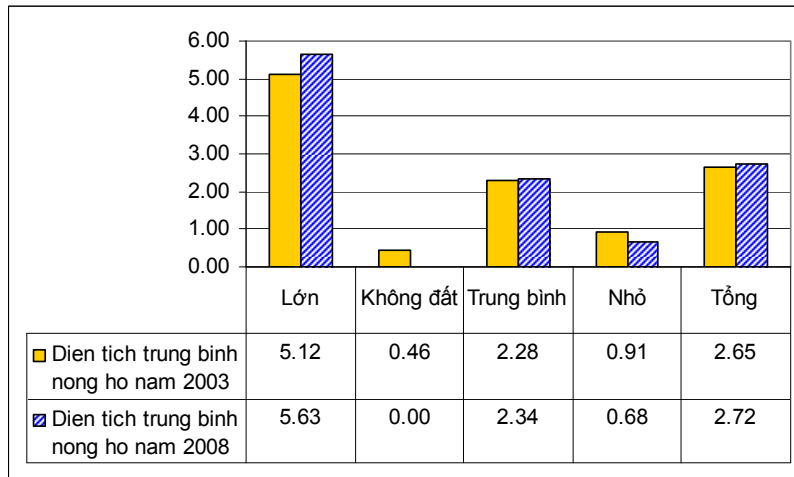
Hình 4: Tình hình chuyển nhượng đất đai ở xã Định Mỹ

(Nguồn: Ban địa chính UBND xã Định Mỹ)

Theo số liệu thứ cấp từ xã đến tỉnh cho thấy rằng quá trình tích tụ đất đai và mất đất đã diễn ra ở địa bàn nghiên cứu. Số liệu điều tra từ 118 nông hộ ở xã Định Mỹ chỉ ra rằng diện tích đất trung bình của một nông hộ đã tăng lên từ 2.65 ha lên 2.72ha trong 5 năm qua (2003-2008).

Số hộ không có đất năm 2008 đã có diện tích đất bình quân vào 5 năm trước đây là 0.46 ha. Tương tự như thế đối với nhóm hộ có ít đất năm 2008 là 0.68 ha/hộ trong

khi 5 năm trước diện tích của nhóm hộ này là 0.91 ha/hộ. Mặc dù không có khác biệt thống kê về số đất bán đi của 2 nhóm hộ này nhưng rõ ràng nhóm hộ nghèo và ít đất có nguy cơ mất dần đất đai canh tác. Trong khi đó nhóm hộ có diện tích trung bình và lớn đã không ngừng tích lũy đất đai. Số liệu ở hình 5 cho thấy rằng diện tích của 2 nhóm hộ này đã gia tăng từ 2.28 ha/hộ đến 2.34 ha/hộ đối với nhóm trung bình và từ 5.12 ha/hộ đến 5.63 ha/hộ đối với nhóm hộ có diện tích lớn. Sự khác biệt đất đai trung bình của 2 nhóm hộ này trong 5 năm qua là có ý nghĩa thống kê.



Hình 5: Diện tích trung bình nông hộ điều tra tại xã Định Mỹ

(Nguồn: Số liệu khảo sát 2008)

4.2 Hiệu quả kinh tế sử dụng đất

Tích tụ đất đai làm gia tăng diện tích đất canh tác trên nông hộ với mục đích gia tăng lợi nhuận tổng cộng. Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng đất trên một đơn vị diện tích là điều cần được phân tích và so sánh giữa các nhóm hộ có diện tích khác nhau. Bảng 2 cho thấy rằng lợi nhuận trên một đơn vị diện tích có chiều hướng giảm dần khi gia tăng diện tích sản xuất từ dưới 3 ha đến trên 6 ha trên một nông hộ. Càng gia tăng diện tích thì chi phí sản xuất trên một đơn vị diện tích có khuynh hướng giảm cả định phí và biến phí. Tương tự như vậy, tổng thu nhập cũng giảm khi gia tăng diện tích trung bình trên nông hộ. Mặc dù vậy, nhóm có diện tích trong khoảng 3 đến 6 ha cho hiệu suất đồng vốn trên chi phí sản xuất là cao nhất. Điều này chứng tỏ rằng nhóm diện tích này có hiệu quả sử dụng đất tốt nhất khi so sánh giữa 3 nhóm hộ.

Cần đề ý rằng đây là vùng sản xuất thuần nông, sản xuất lúa là chính. Vùng này có thể sản xuất 2 đến 3 vụ lúa/năm. Hiệu quả kinh tế sử dụng đất có liên quan chặt chẽ đến hệ số sử dụng đất. Diện tích nhỏ có thể dễ dàng nâng cao hệ số sử dụng đất đến 3 vụ lúa/năm trong khi diện tích trung bình càng cao thì hệ số sử dụng đất càng có thể ít hơn. Quy mô đất đai càng lớn thì khả năng có nhiều thửa đất trên một nông hộ cũng càng lớn và nó kéo theo một số chi phí sản xuất cao hơn chẳng

hạn như chi phí thu hoạch. Chính điều này làm giảm lợi nhuận trên một đơn vị diện tích khi gia tăng quy mô diện tích.

Bảng 2: Hiệu quả kinh tế sử dụng đất theo quy mô đất đai ở xã Định Mỹ (2007-2008)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	< 3 ha	3-6 ha	> 6 ha
Số hộ	Hộ	47	35	12
Diện tích trung bình	Ha/hộ	1,6	3,9	8,2
Chi phí cố định (A)	1,000 VND/ha	1.173	785	606
Chi phí sản xuất (B)	1,000 VND/ha	15.429	10.833	11.112
Vật tư	1,000 VND/ha	8.625	7.065	6.707
Lao động chăm sóc	1,000 VND/ha	2.890	1.261	1.082
Tưới tiêu	1,000 VND/ha	535	496	343
Thu hoạch	1,000 VND/ha	3.379	2.011	2.980
Tổng chi phí sản xuất (A+B)	1,000 VND/ha	16.602	11.618	11.718
Tổng thu nhập (C)	1,000 VND/ha	28.492	22.563	21.312
Lợi nhuận	1,000 VND/ha	11.890	10.945	9.594
Tỷ suất đồng vốn [C/(A+B)]		0,72	0,94	0,82

(Nguồn: Số liệu khảo sát 2008)

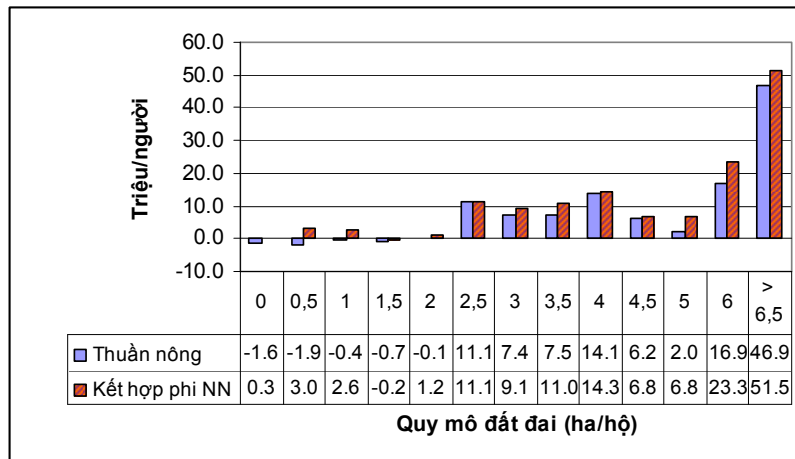
Tâm lý đầu tư của chủ sở hữu đất đai cũng là một vấn đề được quan tâm khi liên quan đến chính sách hạn điền ảnh hưởng đến sản xuất. Qua khảo sát nhận thấy rằng chỉ có khoảng 50.9% và 46.2% số hộ lần lượt có diện tích lớn hơn 3 ha và 6 ha có khuynh hướng đầu tư sản xuất với mức độ thâm canh cao hơn so với mức bình thường để kỳ vọng có lợi nhuận cao trên nông hộ của họ. Số nông hộ còn lại vẫn có tâm lý đầu tư bình thường hoặc ít hơn khi gia tăng diện tích trung bình trên nông hộ.

Như thế gia tăng diện tích trong quá trình tích lũy đất đai có thể gia tăng tổng lợi nhuận nhưng hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích thì chưa được khẳng định, thậm chí qua số liệu điều tra cho thấy chỉ tiêu này bị giảm xuống khi gia tăng quy mô sản xuất. Tuy nhiên, điều này cũng chỉ là những khám phá mang tính gợi mở cho nghiên cứu toàn diện hơn về vấn đề này ở ĐBSCL.

4.3 Quy mô đất đai và tiền để dành

Để đầu tư tái sản xuất và tiến tới tích lũy tiền từ các hoạt động kinh tế là một mục tiêu quan trọng bậc nhất của nông hộ. Câu hỏi đặt ra là trong nông thôn hiện nay với các hoạt động kinh tế, sản xuất thuần nông hoặc kết hợp giữa nông nghiệp và một vài công việc phi nông nghiệp, thì với quy mô đất đai nào người nông dân có thể có tiền để dành cho cuộc sống và tái đầu tư sản xuất? Qua khảo sát chỉ tiêu cho cuộc sống gia đình cũng biến động theo nhóm diện tích đất đai sở hữu, diện tích càng lớn có khuynh hướng chi tiêu càng nhiều. Nhóm đất ít hơn 3 ha (67 hộ) có chi tiêu bình quân đầu người là 6,04 triệu/người/năm, trong khi nhóm hộ diện tích từ 3-6 ha (36 hộ) là 11,43 triệu/người/năm và nhóm diện tích lớn hơn 6 ha (13 hộ) có chi tiêu là 13,34 triệu/người/năm. Nghiên cứu này đã thực hiện phân tích tiền để dành của cá nhân các thành viên trong nông hộ đối với 2 nhóm hộ thuần nông và nhóm hộ nông nghiệp có làm thêm các hoạt động phi nông nghiệp (Hình 6). Tiền để dành được xem là số tiền còn lại sau khi lấy thu nhập thu được từ các hoạt động kinh tế trừ đi chi phí sản xuất và chi phí cuộc sống. Tiền để dành của cá nhân thành viên nông hộ đã biến động rất lớn theo quy mô đất đai đối với cả 2 nhóm hộ.

Đối với nhóm hộ thuần nông, diện tích tối thiểu để có tiền để dành là khoảng 2.0 ha/nông hộ. Trong khi đối với nhóm hộ nông nghiệp có kết hợp các hoạt động phi nông nghiệp thì diện tích tối thiểu có thể tạo ra tiền để dành là khoảng 1.5 ha, ít hơn 0.5 ha so với nhóm hộ thuần nông. Như vậy, kết hợp các hoạt động phi nông nghiệp đã làm giảm bớt áp lực chi tiêu cho cuộc sống gia đình và làm giảm áp lực bán đất của các nông hộ có diện tích nhỏ. Tuy nhiên, từ số liệu này cũng nhận thấy rằng với lợi nhuận thấp từ sản xuất lúa trong khi chi phí cuộc sống cao trong giai đoạn nền kinh tế lạm phát khá cao (2007-2008) đã làm cho ngưỡng quy mô đất đai có thể tạo ra tiền tích lũy trong nông hộ khá cao, 1.5 ha đến 2.0 ha cho một nông hộ.



Hình 6: Tiền để dành của cá nhân trong nông hộ theo quy mô đất đai

(Nguồn: Số liệu khảo sát 2008)

4.4 Nguyên nhân bán đất và cuộc sống sau bán đất

Đối với người dân sống trong nông thôn, đất đai là tài sản quan trọng nhất. Việc bán đất có thể là giải pháp sau cùng để tồn tại. Trong 27 hộ đã bán đất trong 118 hộ khảo sát tại xã Định Mỹ, có 55,6% số hộ bán đất toàn phần và 44,4% số hộ bán một phần đất trong các năm qua. Bảng 3 dưới đây thống kê tần suất các hộ đã bán đất với các lý do khác nhau. Phần lớn các hộ đã bán đất vì phải trả nợ dài hạn mà trước đó đã vay, chiếm 63%. Ngoài các lý do nhỏ lẻ được gom thành nhóm “lý do khác” thì nguyên nhân lớn tiếp theo làm cho các hộ này bán đất là vì chi phí khám chữa bệnh và bị tai nạn đột xuất, chiếm 25,9%. Lý do kế tiếp là do chi phí sinh sống hàng ngày và chi phí học tập của con em họ, chiếm 18,5%. Cũng nhìn nhận rằng các hộ này cũng đã có ước muốn chuyển đổi nghề từ nông nghiệp với diện tích hạn hẹp của họ sang một ngành nghề mới trong lĩnh vực phi nông nghiệp và họ đã quyết định bán đất để tìm kiếm việc làm mới, tỷ lệ này chiếm 14,8%.

Các hộ bán đất một phần hoặc toàn phần đều chuyển qua các hoạt động mua bán, ngành nghề hay dịch vụ tại địa phương. Trong tình hình ít đất canh tác, chi sản xuất cao, lợi nhuận thấp thì sau khi chuyển đổi nghề sang phi nông nghiệp phần

lớn cuộc sống của các hộ này đã được cải thiện đáng kể. 55%, 19%, 19% và 7% số hộ cảm thấy cuộc sống của họ rất tốt, tốt, khá và kém hơn sau khi chuyển đổi.

Bảng 3: Lý do các hộ đã quyết định bán đất của nông hộ điều tra ở xã Định Mỹ

	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Khám chữa bệnh và tai nạn đột xuất	7	25,9
Thất bại trong sản xuất	2	7,4
Thiếu lao động nông nghiệp do đơn chiếc	2	7,4
Trả nợ vay dài hạn trước đó	17	63
Chi phí cuộc sống và học tập của con cái	5	18,5
Tìm kiếm việc làm mới	4	14,8
Lý do khác	7	25,9
Tổng cộng	44	162,9

(Nguồn: Số liệu khảo sát 2008)

5 KẾT LUẬN

Từ những kết quả phân tích, một số nhận xét và kết luận được rút ra như sau:

Việc tích tụ đất đai trong nông thôn đã diễn ra trong nhiều năm qua. Ở vùng thuần nông có thể tiến trình tích tụ đất đai mạnh hơn so với các vùng sản xuất đa canh trong tỉnh An Giang.

Do tích tụ đất đai mà đã dẫn đến 2 hệ quả tất yếu, trước hết là diện tích bình quân trên nông hộ có sở hữu đất đai đã nhiều hơn so với trước đây, trong khi đó số hộ ít đất có chiều hướng bán đất trở thành nhóm hộ không đất canh tác và chuyển đổi ngành nghề sang lĩnh vực phi nông nghiệp.

Rất nhiều hộ có diện tích lớn hơn 3 ha và 6 ha vẫn chưa có những đầu tư sản xuất đặc biệt để gia tăng hiệu quả kinh tế sử dụng đất. Diện tích đất đai trên nông hộ càng lớn thì hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích chưa thể hiện theo chiều hướng tích cực.

Ở vùng thuần nông, chủ yếu là sản xuất lúa như vùng đã nghiên cứu, cần có một diện tích đất tối thiểu là 1,5 và 2,0 ha để nông hộ bắt đầu có tiền tích lũy từ hoạt động sản xuất của họ sau khi trừ đi chi phí sinh hoạt của cuộc sống.

Hầu hết các hộ đã bán đất để chuyển đổi ngành nghề sang lĩnh vực phi nông nghiệp có cuộc sống khá hơn hoặc không thay đổi so với trước đây. Chỉ có một bộ phận khoảng 7% số hộ này cảm thấy cuộc sống bị thấp hơn vì nhiều lý do khác nhau.

Với nghiên cứu này, các kết quả chỉ ở mức độ khám phá về một vấn đề rất nhạy cảm trong xã hội nông thôn, đó là quá trình tích tụ đất đai, hiệu quả sử dụng đất và quá trình mất đất. Cần có một nghiên cứu sâu sắc và toàn diện trên diện rộng để có những kết quả mang tính khái quát cho toàn vùng ĐBSCL.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Boothroyd P., and Nam P.X (2000). Socioeconomic Renovation in Viet Nam: The Origin, Evolution, and Impact of Doi Moi
- Cục Thống kê An Giang (2008). Thống kê tỉnh An Giang năm 2007.
- Huyện Thoại Sơn (2008). Báo cáo tổng kết hàng năm phòng Kinh tế huyện Thoại Sơn.
- Luật đất đai 1993 và sửa đổi 2003. NXB Quốc gia.
- Sally P. Marsh, T. Gordon MacAulay and Pham Van Hung (2007). Agricultural Development and Vietnam Rural Land Policy. International Agricultural Research Center of Australia Publisher.
- Toan D.Q., and Iyer L (2003). Land Rights and Economic Development: Evidence from Vietnam World Bank Policy Research Working Paper 3120. World Bank.
- UBND xã Định Mỹ (2008). Báo cáo tổng kết hàng năm của UBND xã Định Mỹ.